TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS - ST.
Ngày: 21 - 6 - 2024.
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST - DS, ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST - DS, ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Trần Văn N, sinh năm 2005; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.2. Bà Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 04/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Nguyên vào ngày 28/7/2023, bà Lê Thị Q có cho bà Lê Thị Trúc L vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 0%. Hai bên có làm giấy ghi nợ lập ngày 28/7/2023 với sự chứng kiến của bà Trần Thị Cẩm N (bà

ngoại của L) và ông Trần Văn N (là con của bà Q). Giấy ghi nợ là do bà L viết và ký đưa bà Q. Theo giấy ghi nợ thì bà L hứa sẽ trả tiền cho bà Q vào ngày 20/02/2024 nhưng đến nay không thực hiện.

Tại phiên tòa bà Q thay đổi yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà Lê Thị Trúc L hoàn trả cho bà Q số tiền 150.000.000 đồng theo giấy ghi nợ lập ngày 28/7/2023. Bà Q không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết bị đơn Lê Thị Trúc L trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà L hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng theo giấy ghi nợ lập ngày 28/7/2023, thì bà L thừa nhận giấy ghi nợ là do bà L viết. Bà L thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu lăn tay bên trên chữ " Lê Thị Trúc L" trong giấy ghi nợ lập ngày 28/7/2023 là của bà L. Lý do, bà L ký là do phía bà Q ép buộc, đe dọa nên bà L mới ký. Bà L đã có Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ bên Công an huyện Long Phú về việc bà Q ép buộc bà L. Vì khi xảy ra sự việc bà L đã trình báo Công an. Thực chất bà L chỉ thừa nhận bà L chỉ vay của bà Q số tiền 83.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Q số tiền 83.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Bị đơn bà Lê Thị Trúc L đồng ý trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Q số tiền 150.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi trả hết nợ cho bà Q.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q. Buộc bị đơn bà Lê Thị Trúc L hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Q số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2024 nguyên đơn bà Lê Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là bà Lê Thị Trúc L. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn bà Lê Thị Trúc L hiện cư trú tại ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Lê Thị Trúc L hoàn trả cho bà Q số tiền 150.000.000 đồng. Bà Q không yêu cầu tính lãi suất. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố Tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Q yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Trúc L phải trả cho nguyên đơn bà Q số tiền vay là 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Q cung cấp giấy ghi nợ có chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết tên "Lê Thị Trúc L" là chứng cứ theo quy định khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn bà L, người làm chứng bà Trần Thị Cẩm N và ông Trần Văn N đều đã thừa nhận là chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết của bị đơn nên những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời tại phiên tòa bị đơn thừa nhận do bị đơn viết giấy ghi nhận nợ, ký tên và lăn tay nên biết số tiền vay là 150.000.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi trả hết nợ. Vì vậy đủ cơ sở Hội đồng xét xử xác định: Bị đơn bà Lê Thị Trúc L có vay tiền của nguyên đơn bà Lê Thị Q với số tiền 150.000.000 đồng và bị đơn bà L đã cam kết trả đủ số tiền vay vào ngày 20/02/2024. Tuy nhiên, Bị đơn vẫn chưa trả đủ tiền như cam kết đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q đối với phần nợ gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của bị đơn Lê Thị Trúc L xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết trả số tiền 150.000.000 đồng nhưng nguyên đơn bà Lê Thị Q không chấp nhận nên không có cơ sở ghi nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Lê Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn bà Lê Thị Trúc L phải trả lãi cho nguyên đơn bà Lê Thị Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Đối với việc bị đơn bà Lê Thị Trúc L cho rằng bị nguyên đơn bà Lê Thị Q ép buộc ký biên nhận nợ và có đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ bên Công an huyện Long Phú về việc bà Q ép buộc bà L vì khi xảy ra sự việc bà L đã trình báo Công an. Tòa án đã ban hành Công văn số 166/CV.TA ngày 03/5/2024 về việc yêu cầu Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Long Phú cung cấp tài liệu chứng cứ mà bà L yêu cầu và Ngày 09/5/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Long Phú đã có văn bản số 229/ĐTTH ngày 09/5/2024 về

việc phúc đáp yêu cầu cung cấp tài liệu như sau: "Qua kiểm tra, rà soát các vụ việc mà Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Long Phú thụ lý không có vụ việc nào liên quan đến bà Lê Thị Q và Lê Thị Trúc L nên không cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện Long Phú", Do đó không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà L trình bày bị bà Q ép buộc ký tên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Lê Thị Trúc L phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q. Buộc bị đơn bà Lê Thị Trúc L có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Q số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Thị Trúc L phải trả lãi cho bà Lê Thị Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Trúc L phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Q số tiền tạm ứng án phí là 3.781.000 đồng (ba triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003276, ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh